

UBND TỈNH AN GIANG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 446/STNMT-MT
V/v công bố số liệu quan trắc môi trường
tỉnh An Giang năm 2018

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 25 tháng 02 năm 2019

Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông

Căn cứ Công văn số 1804/VPUBND-KTN ngày 19/4/2018 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố số liệu quan trắc môi trường tỉnh An Giang năm 2017. Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo trên cơ sở hướng dẫn tại Thông tư số 43/2015/TT-BTNMT, hàng năm đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường chủ động cung cấp thông tin danh mục số liệu quan trắc môi trường cho Sở Thông tin và Truyền thông công bố trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Do đó, Sở Tài nguyên và Môi trường xin gửi số liệu quan trắc môi trường tỉnh An Giang năm 2018 (*theo file đính kèm*) để Sở Thông tin và Truyền thông công bố trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trên đây là nội dung công bố số liệu quan trắc môi trường tỉnh An Giang năm 2018, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi Sở Thông tin và Truyền thông./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- PGĐ Võ Hùng Dũng;
- CCBVMT;
- Lưu: VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Võ Hùng Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



BÁO CÁO TÓM TẮT

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG NĂM 2018

Cơ quan chủ quản: Sở Tài nguyên và Môi trường

Cơ quan xét duyệt: Chi cục Bảo vệ môi trường

Đơn vị tư vấn: Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật Tài nguyên – Môi trường

An Giang, tháng 02 năm 2019

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG NĂM 2018

A. CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG NƯỚC

Bảng 1. Thang đánh giá chất lượng nước

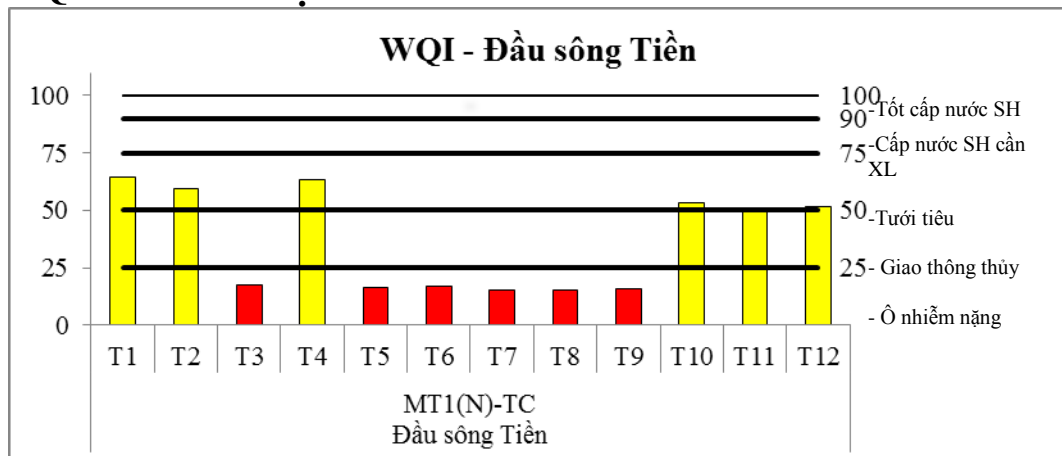
(Theo Quyết định số 879/QĐ-TCMT ngày 01/7/2011 của Tổng cục Môi trường)

Giá trị WQI	Mức đánh giá chất lượng nước	Màu
91 - 100	Sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt.	Xanh nước biển
76 - 90	Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp.	Xanh lá cây
51 - 75	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác.	Vàng
26 - 50	Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác.	Da cam
0 - 25	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai.	Đỏ

1. CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG NƯỚC NỀN

1.1. Chất lượng nước mặt sông Tiền

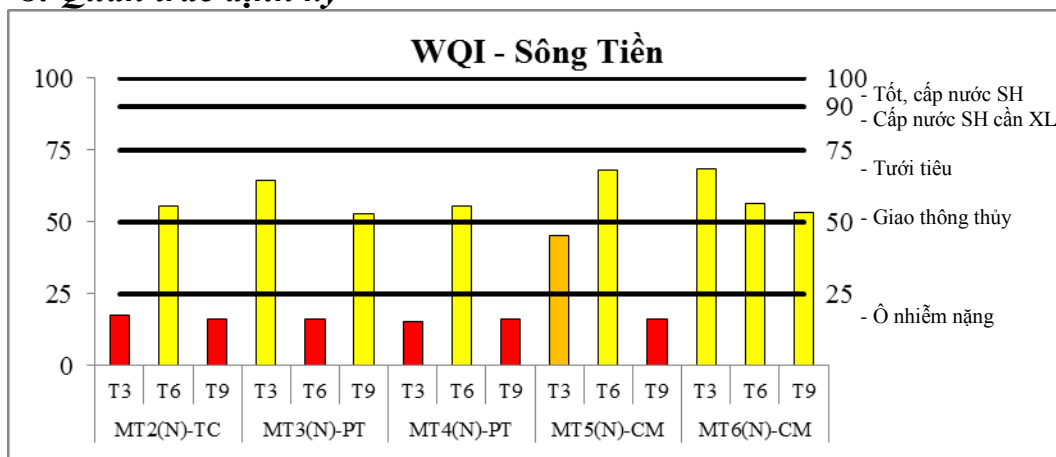
a. Quan trắc liên tục



Biểu đồ 1: Diễn biến WQI vị trí đầu sông Tiền 2018

Chất lượng nước tại đầu sông Tiền đoạn chảy qua địa phận tỉnh An Giang theo chỉ số WQI dao động từ mức ô nhiễm nặng đến mức dùng cho tưới tiêu, tốt nhất vào các tháng 1, 2, 4, 10, 11 và 12. Các thời điểm còn lại, chất lượng nước ở mức ô nhiễm nặng do vào mùa khô mực nước ròng, các chất ô nhiễm bị cô đặc lại, còn vào mùa mưa do tác động của những đợt lũ đổ về kéo theo các chất bẩn và phù sa nên ảnh hưởng đến chất lượng nước.

b. Quan trắc định kỳ



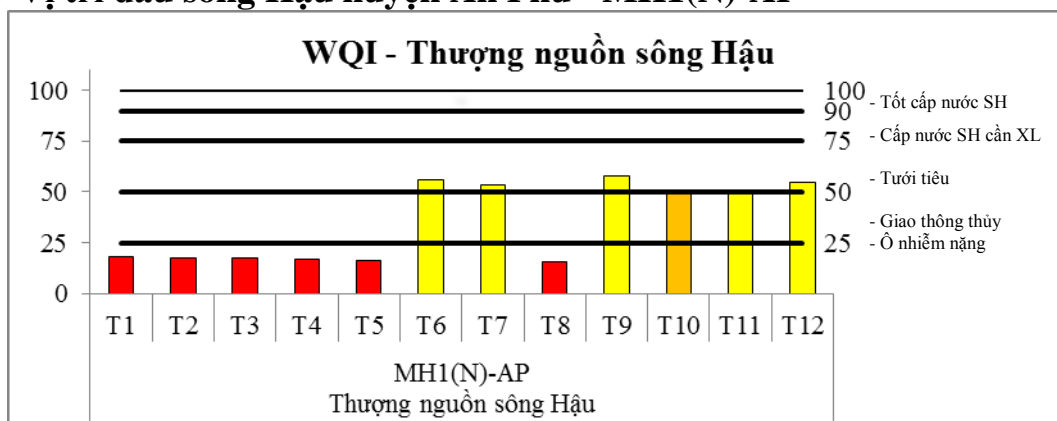
Biểu đồ 2: Diễn biến WQI sông Tiền 2018

Chất lượng nước sông Tiền theo chỉ số WQI dao động từ mức ô nhiễm nặng đến mức dùng cho tưới tiêu. Tại đầu sông Cái Vũng và sông Tiền-MT2(N)-TC, ngã ba sông Vàm Nao và sông Tiền-MT4(N)-PT, chất lượng nước được cải thiện từ mức ô nhiễm nặng (tháng 3) lên mức dùng cho tưới tiêu (tháng 6) nhưng rơi vào mức ô nhiễm nặng (tháng 9); Tại cuối sông Cái Vũng và sông Tiền-MT3(N)-PT, chất lượng nước giảm từ mức dùng cho tưới tiêu (tháng 3) xuống mức ô nhiễm nặng (tháng 6) và được cải thiện lên mức dùng cho tưới tiêu (tháng 9); Tại ngã ba sông Tiền-MT5(N)-CM, chất lượng nước được cải thiện từ mức dùng cho giao thông thủy (tháng 3) lên mức dùng cho tưới tiêu (tháng 6) nhưng rơi vào mức ô nhiễm (tháng 9); Tại cuối cù lao Giêng-MT6(N)-CM, chất lượng nước đều ở đồng mức dùng cho tưới tiêu. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến chỉ số WQI thấp và ở mức ô nhiễm nặng là do hàm lượng COD, BOD₅, TSS, Amoni (NH₄⁺ tính theo N) và Coliform cao, hàm lượng DO thấp không đạt quy chuẩn cho phép.

1.2. Chất lượng nước mặt sông Hậu, sông Phú Hội và sông Châu Đốc

a. Quan trắc liên tục

✚ Vị trí đầu sông Hậu huyện An Phú - MH1(N)-AP

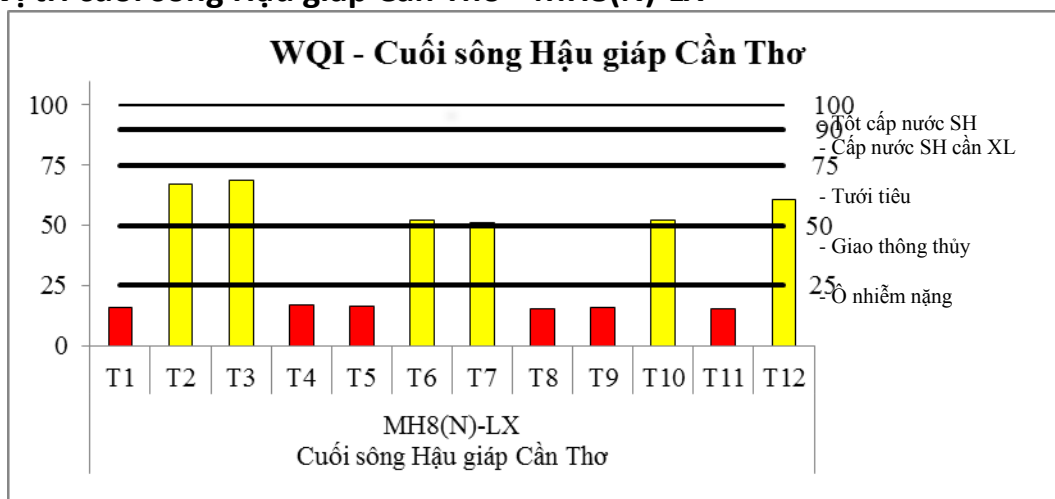


Biểu đồ 3: Diễn biến WQI tại vị trí thượng nguồn sông Hậu 2018

Chất lượng nước tại đầu sông Hậu đoạn chảy qua địa phận tỉnh An Giang theo chỉ số WQI dao động từ mức ô nhiễm nặng đến mức dùng cho tưới tiêu, tốt nhất vào thời các điểm tháng 6, tháng 7, tháng 9, tháng 11 và tháng 12; ngoại trừ

vào tháng 10, chất lượng nước ở mức dùng cho giao thông thủy; các thời điểm quan trắc còn lại đều ở mức ô nhiễm nặng. Nguyên nhân do vào mùa khô mực nước thấp, dòng chảy chậm, còn vào mùa mưa, lũ từ thượng nguồn Campuchia đổ về kéo theo phù sa và các chất bẩn nên ảnh hưởng đến chất lượng nước.

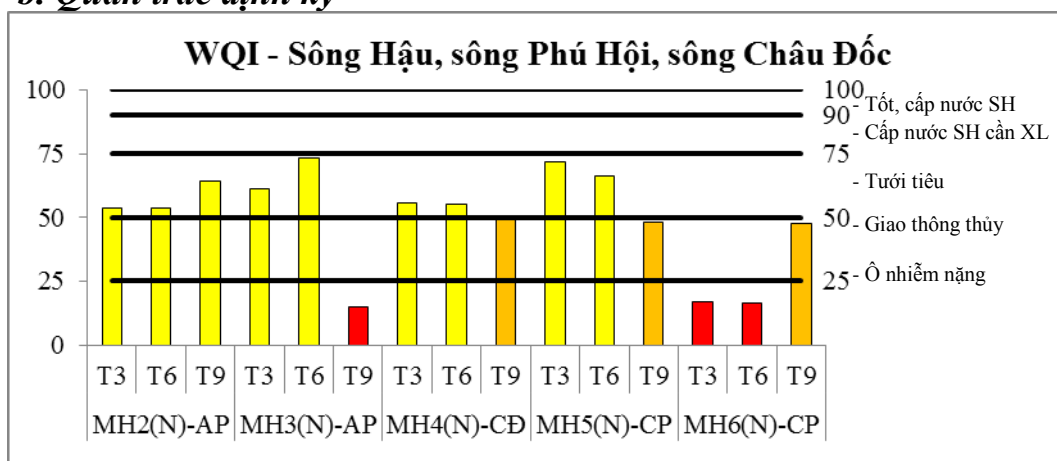
📍 Vị trí cuối sông Hậu giáp Cần Thơ - MH8(N)-LX



Biểu đồ 4: Diễn biến WQI vị trí cuối sông Hậu giáp Cần Thơ 2018

Chất lượng nước tại cuối sông Hậu giáp Cần Thơ đoạn chảy qua địa phận tỉnh An Giang theo chỉ số WQI dao động từ mức ô nhiễm nặng đến mức dùng cho tưới tiêu, tốt nhất vào các tháng 2, tháng 3, tháng 6, tháng 7, tháng 10 và tháng 12; các thời điểm còn lại, chất lượng nước đều ở mức ô nhiễm nặng. Nguyên nhân do vào mùa khô mực nước thấp, dòng chảy chậm, bên cạnh đó do tác động của mùa mưa, lũ từ thượng nguồn Campuchia đổ về kéo theo phù sa và các chất bẩn gia nhập bởi nước mưa chảy tràn nên ảnh hưởng đến chất lượng nước.

b. Quan trắc định kỳ

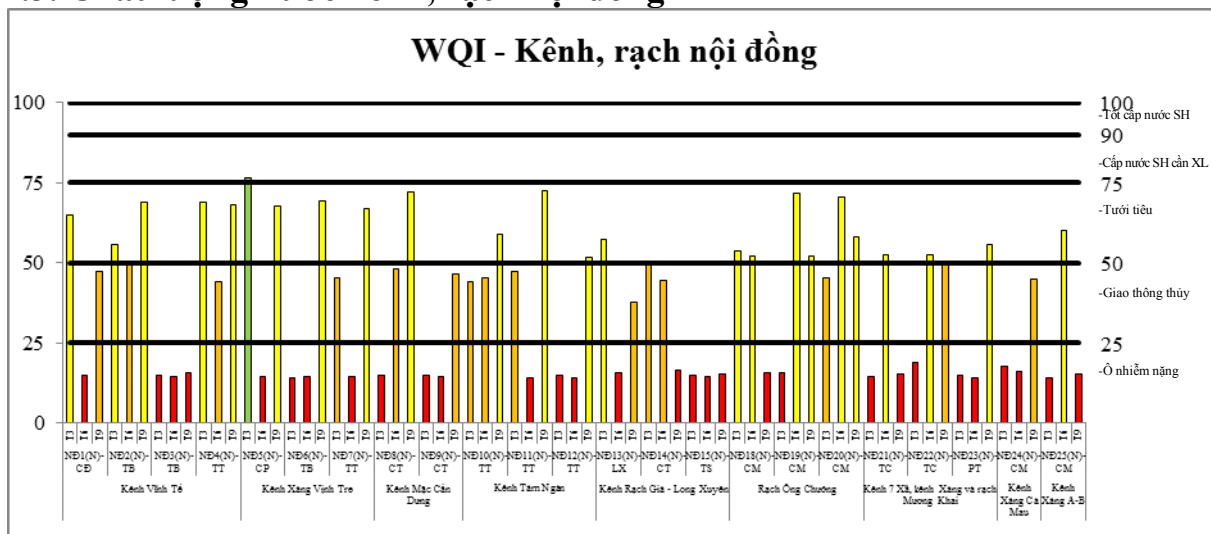


Biểu đồ 5: Diễn biến WQI s.Hậu, s.Phú Hội, s.Châu Đốc 2018

Chất lượng nước tại sông Hậu, sông Phú Hội, sông Châu Đốc theo chỉ số WQI dao động từ mức ô nhiễm nặng đến mức dùng cho tưới tiêu. Tại thượng nguồn sông Phú Hội-MH2(N)-AP, chất lượng nước ở đồng mức dùng cho tưới tiêu; Tại 3/5 vị trí quan trắc, chất lượng nước giảm từ mức dùng cho tưới tiêu (tháng 3 và tháng 6) xuống mức ô nhiễm nặng (tại nơi tiếp giáp sông Châu Đốc với nhánh sông từ Campuchia, tháng 9) và mức dùng cho giao thông thủy (tại ngã ba sông Châu Đốc-MH4(N)-CĐ và đoạn giữa từ ngã ba sông Châu Đốc với ngã

ba Vàm Nao-MH5(N)-CP, tháng 9); Tại ngã ba sông Vàm Nao-MH6(N)-CP, chất lượng nước được cải thiện hơn, từ mức ô nhiễm nặng (tháng 3 và tháng 6) lên mức dùng cho giao thông thủy (tháng 9). Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến chỉ số WQI thấp và ở mức ô nhiễm nặng là do hàm lượng TSS, COD, BOD₅, Phosphat (PO₄³⁻ tính theo P) và Amoni (NH₄⁺ tính theo N) và Coliform cao, hàm lượng DO thấp không đạt quy chuẩn cho phép.

1.3. Chất lượng nước kênh, rạch nội đồng



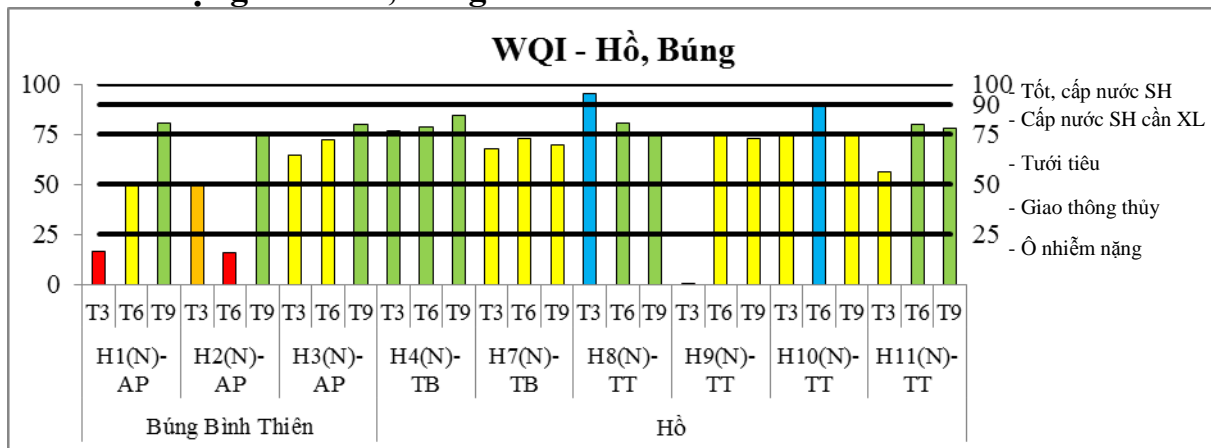
Biểu đồ 6: Diễn biến WQI kênh, rạch nội đồng 2018

Chất lượng nước tại các tuyến kênh, rạch nội đồng theo chỉ số WQI dao động từ mức ô nhiễm nặng đến mức có thể dùng cho cấp nước sinh hoạt nhưng phải qua xử lý, tốt nhất tại đầu kênh Xáng Vĩnh Tre tiếp giáp với sông Hậu-NĐ5(N)-CP vào tháng 3. Chất lượng nước tại các vị trí quan trắc trong năm diễn biến khá phức tạp, chủ yếu ô nhiễm vào tháng 6. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến chỉ số WQI thấp là do hàm lượng COD, BOD₅, TSS, Phosphat (PO₄³⁻ tính theo P), Amoni (NH₄⁺ tính theo N) và Coliform cao, hàm lượng DO thấp, không đạt quy chuẩn cho phép.

1.4. Chất lượng môi trường nước giếng

Nước giếng trên địa bàn tỉnh An Giang bị ô nhiễm về hàm lượng tổng chất rắn hòa tan, độ cứng tổng số (tính theo CaCO₃), Amoni (NH₄⁺ tính theo N), Fe, Mn, As, Pb và Coliform; chỉ thích hợp dùng cho tưới tiêu, chăn nuôi hoặc các mục đích công nghiệp khác.

1.5. Chất lượng nước hồ, búng

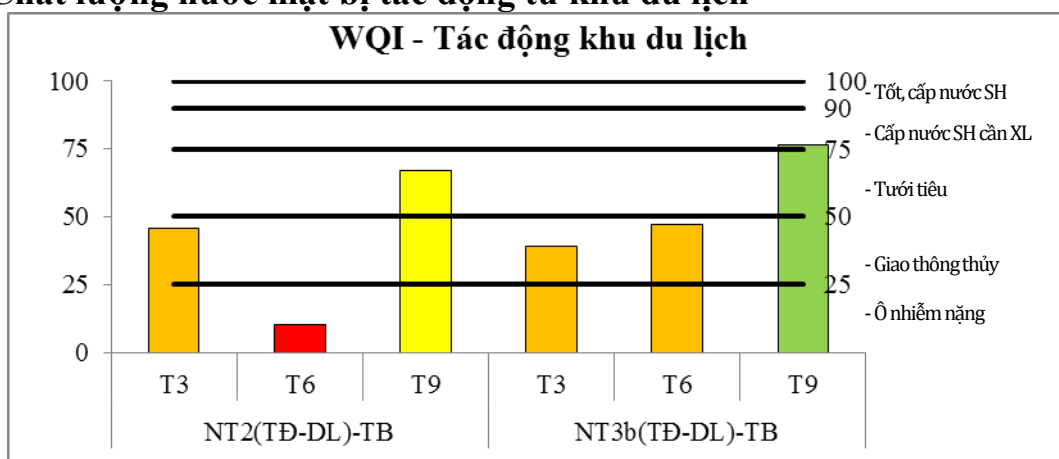


Biểu đồ 7: Diễn biến WQI hồ, búng 2018

Chất lượng nước tại khu vực hồ, búng theo chỉ số WQI dao động từ mức ô nhiễm nặng đến mức tốt dùng cho cấp nước sinh hoạt. Tại khu vực búng Bình Thiên - huyện An Phú (H1, H2, H3), chất lượng nước có xu hướng cải thiện theo thời gian quan trắc, từ mức ô nhiễm nặng đến mức dùng cho cấp nước sinh hoạt nhưng phải qua xử lý. Tại khu vực các hồ, chất lượng nước dao động từ mức ô nhiễm nặng đến mức tốt dùng cho cấp nước sinh hoạt, trong đó: Tại gần bờ hồ Ô Tuk Sa-H4(N)-TB, chất lượng nước ở đồng mức dùng cho cấp nước sinh hoạt nhưng phải qua xử lý; tại hồ Thủy Liêm-H7(N)-TB, chất lượng nước ở đồng mức dùng cho tưới tiêu; Tại hồ Soài So-H8(N)-TT, chất lượng nước giảm từ tốt dùng cho cấp nước sinh hoạt (tháng 3) xuống mức dùng cho cấp nước sinh hoạt nhưng phải qua xử lý (tháng 6 và tháng 9); Tại hồ Soài Chêk-H9(N)-TT và hồ Ô Tà Sóc-H11(N)-TT, chất lượng nước được cải thiện tốt hơn, lần lượt đạt mức dùng cho tưới tiêu và mức dùng cho cấp nước sinh hoạt nhưng phải qua xử lý (tháng 6 và tháng 9); Tại hồ Ô Thum-H10(N)-TT, chất lượng nước được cải thiện từ mức dùng cho tưới tiêu (tháng 3) lên mức tốt dùng cho cấp nước sinh hoạt (tháng 6) và giảm xuống mức dùng cho tưới tiêu (tháng 9). Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến chỉ số WQI thấp là do hàm lượng pH, TSS, COD và BOD₅ cao, hàm lượng DO thấp không đạt quy chuẩn cho phép.

2. CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG NƯỚC BỊ TÁC ĐỘNG

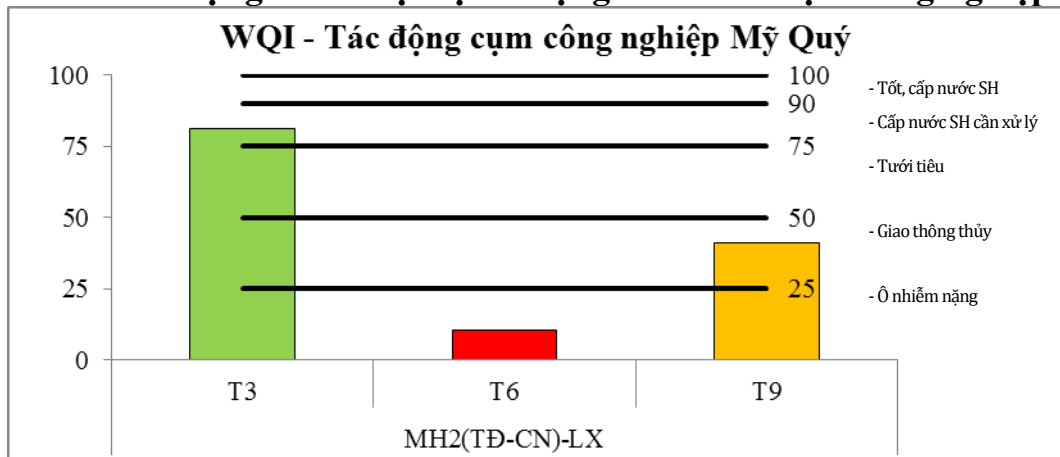
2.1. Chất lượng nước mặt bị tác động từ khu du lịch



Biểu đồ 8: Diễn biến WQI khu du lịch 2018

Chất lượng nước khu vực chịu tác động từ hoạt động du lịch theo chỉ số WQI dao động từ mức ô nhiễm nặng đến mức có thể dùng cho mục đích sinh hoạt nhưng phải qua xử lý, tốt nhất là tại khu du lịch sinh thái rừng Tràm Trà Sur-NT3b(TĐ-DL)-TB vào tháng 9. Tại cả 2 vị trí quan trắc, chất lượng nước trong đợt tháng 9 đều được cải thiện hơn so với đợt tháng 3 và tháng 6. Chỉ số WQI thấp và chất lượng nước ở mức ô nhiễm nặng chủ yếu do hàm lượng Coliform cao, vượt quy chuẩn cho phép.

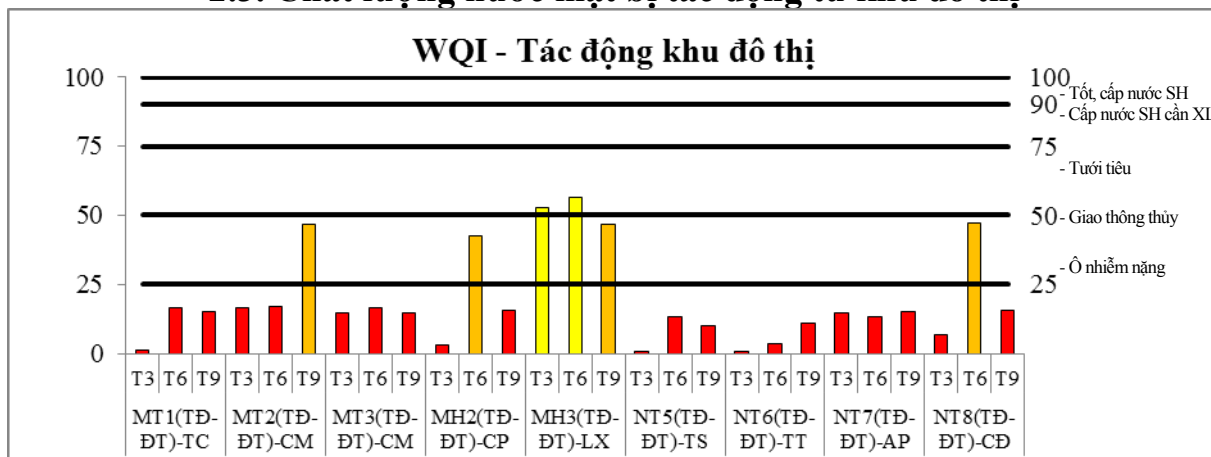
2.2. Chất lượng nước mặt bị tác động từ Khu – Cụm công nghiệp



Biểu đồ 9: Diễn biến WQI Cụm công nghiệp Mỹ Quý 2018

Chất lượng nước chịu tác động từ Cụm công nghiệp Mỹ Quý theo chỉ số WQI dao động từ mức ô nhiễm nặng đến mức dùng cho cấp nước sinh hoạt nhưng phải qua xử lý. Chất lượng nước tốt nhất rơi vào thời điểm tháng 3 và suy giảm theo thời gian quan trắc. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến chỉ số WQI thấp là do hàm lượng TSS, COD, BOD₅ và Amoni (NH₄⁺ tính theo N) cao.

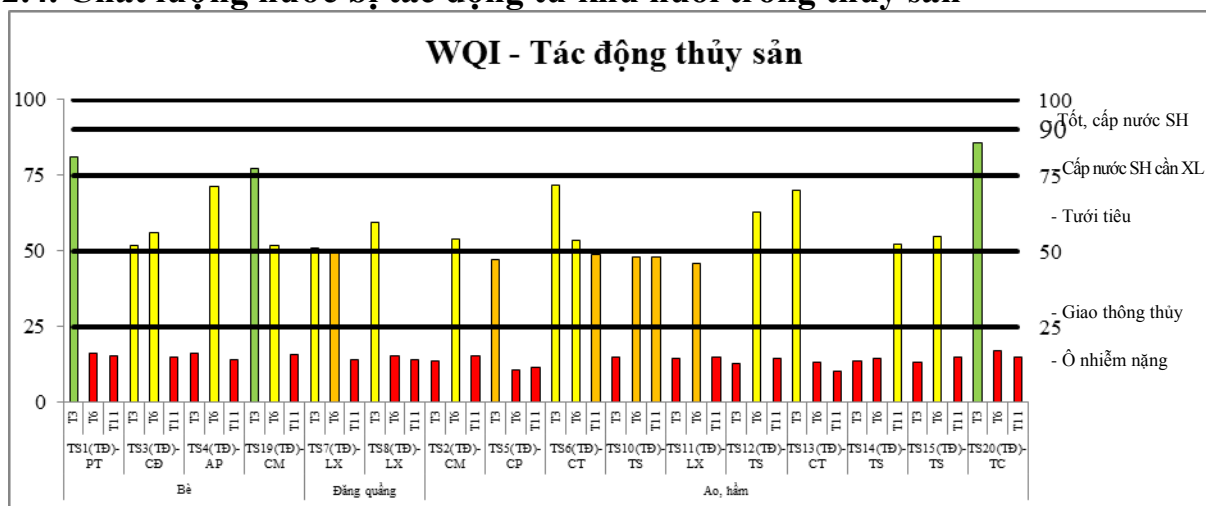
2.3. Chất lượng nước mặt bị tác động từ khu đô thị



Biểu đồ 10: Diễn biến WQI khu đô thị 2018

Chất lượng nước chịu tác động từ nước thải đô thị theo chỉ số WQI dao động từ mức ô nhiễm nặng đến mức dùng cho tưới tiêu, tốt nhất tại khu đô thị thành phố Long Xuyên–MH3(TĐ-ĐT)-LX (tháng 3 và tháng 6). Ngoại trừ tại khu đô thị thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới–MT2(TĐ-ĐT)-CM (tháng 9), tại khu đô thị Cái Dầu, huyện Châu Phú–MH2(TĐ-ĐT)-CP (tháng 6), khu đô thị thành phố Long Xuyên–MH3(TĐ-ĐT)-LX (tháng 9) và trạm xử lý nước thải thành phố Châu Đốc–NT8(TĐ-ĐT)-CĐ (tháng 6), chất lượng nước ở mức dùng cho giao thông thủy. Các thời điểm quan trắc còn lại đều ở mức ô nhiễm nặng. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến chỉ số WQI thấp là do hàm lượng Coliform trong nước cao, vượt quy chuẩn cho phép. Mức độ ô nhiễm nặng ở cả 3 đợt quan trắc tập trung tại các vị trí: Khu đô thị Tân Châu, thị xã Tân Châu–MT1(TĐ-ĐT)-TC, khu đô thị thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới–MT3(TĐ-ĐT)-CM, khu đô thị Núi Sập, huyện Thoại Sơn–NT5(TĐ-ĐT)-TS, khu đô thị Tri Tôn, huyện Tri Tôn–NT6(TĐ-ĐT)-TT, khu đô thị thị trấn An Phú, huyện An Phú–NT7(TĐ-ĐT)-AP.

2.4. Chất lượng nước bị tác động từ khu nuôi trồng thủy sản



Biểu đồ 11: Diễn biến WQI khu vực NTTS 2018

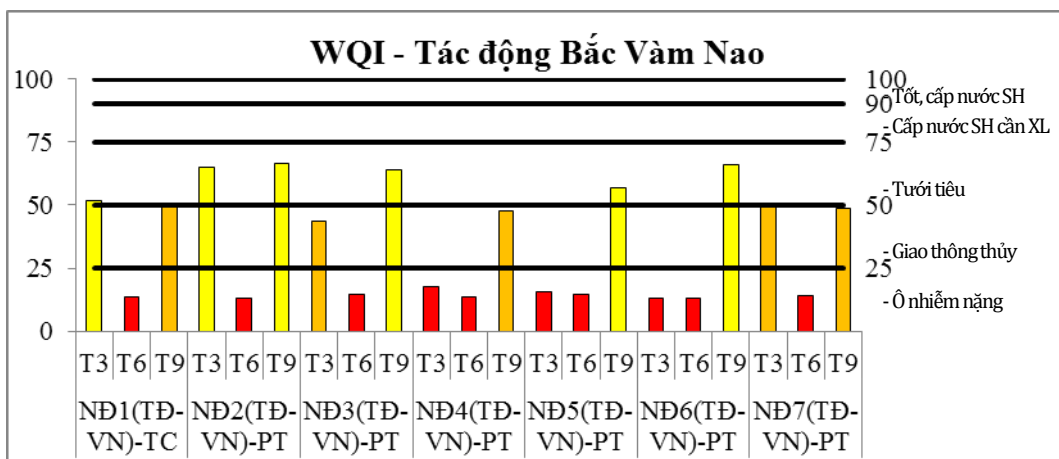
Chất lượng nước chịu tác động từ các khu nuôi trồng thủy sản theo chỉ số WQI dao động từ mức ô nhiễm nặng đến mức dùng cho cấp nước sinh hoạt nhưng phải qua xử lý. Trong đó mức ô nhiễm nặng chiếm 26/48 giá trị tính toán. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến chỉ số WQI thấp là do hàm lượng TSS, COD, BOD₅, Phosphat (PO₄³⁻ tính theo P), Amoni (NH₄⁺ tính theo N) và Coliform cao, hàm lượng DO thấp không đạt quy chuẩn cho phép.

- **Loại hình nuôi bè:** Chất lượng nước theo chỉ số WQI dao động từ mức ô nhiễm nặng đến mức dùng cho cấp nước sinh hoạt nhưng phải qua xử lý, tốt nhất tại làng bè Long Hòa-TS1(TĐ)-PT và khu vực nuôi bè xã Mỹ An-TS19(TĐ)-CM vào tháng 3. Chất lượng nước có xu hướng giảm tại các vị trí quan trắc và rơi vào mức ô nhiễm nặng vào đợt tháng 11.

- **Loại hình nuôi đàng quàng:** Tại khu vực nuôi đàng quàng xã Mỹ Hòa Hưng (TS7(TĐ)-LX, TS8(TĐ)-LX), chất lượng nước theo chỉ số WQI dao động từ mức ô nhiễm nặng đến mức dùng cho tưới tiêu, tốt nhất tại cả 2 vị trí quan trắc vào tháng 3. Chất lượng nước có xu hướng giảm tại các vị trí quan trắc và rơi vào mức ô nhiễm nặng vào đợt tháng 11.

- **Loại hình nuôi ao, hầm:** Chất lượng nước theo chỉ số WQI dao động từ mức ô nhiễm nặng đến mức dùng cho cấp nước sinh hoạt nhưng phải qua xử lý, tốt nhất tại khu vực nuôi ao, hầm xã Vĩnh Hòa-TS20(TĐ)-TC vào tháng 3. Ngoại trừ khu vực kênh Xã Đội-TS10(TĐ)-TS và khu vực Phú Thuận-TS14(TĐ)-TS, chất lượng nước được cải thiện vào tháng 11, lần lượt đạt mức dùng cho giao thông thủy và mức dùng cho tưới tiêu; các vị trí còn lại chất lượng nước diễn biến khá phức tạp, có 7/8 vị trí còn lại đều có cho kết quả ô nhiễm nặng ở một trong các đợt quan trắc trong năm mà kết quả này thường rơi vào tháng 3 và tháng 11.

2.5. Chất lượng nước khu vực kiểm soát lũ Bắc Vàm Nao



Biểu đồ 12: Diễn biến WQI khu vực Bắc Vàm Nao 2018

Chất lượng nước chịu tác động từ khu vực Bắc Vàm Nao theo chỉ số WQI dao động từ mức ô nhiễm nặng đến mức dùng cho tưới tiêu. Chất lượng nước được cải thiện tốt hơn vào đợt tháng 9 tại 3/7 vị trí, gồm: kênh K26 giáp sông Tiền-NĐ4(TĐ-VN)-PT (từ mức ô nhiễm nặng lên mức dùng cho giao thông thủy); tại cuối kênh Thần Nông tiếp giáp rạch Cái Tắc-NĐ5(TĐ-VN)-PT và điểm giữa kênh Thần Nông, tiếp giáp với K16-NĐ6(TĐ-VN)-PT (từ mức ô nhiễm nặng lên mức dùng cho tưới tiêu). Các vị trí còn lại, chất lượng nước đều rơi vào mức ô nhiễm nặng ở đợt tháng 6. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến chỉ số WQI thấp là do hàm lượng Coliform trong nước cao, vượt quy chuẩn cho phép.

B. CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ

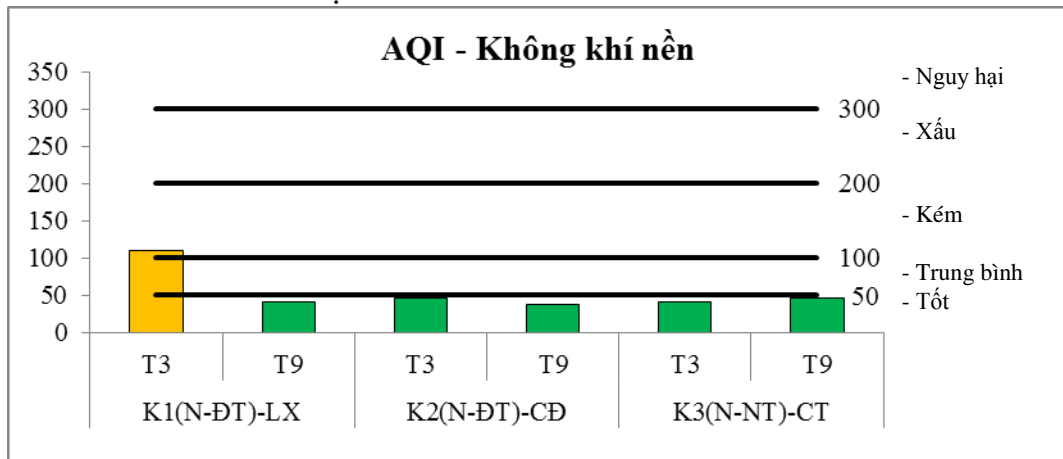
Bảng 2. Thang đánh giá chất lượng không khí

(Theo Quyết định số 878/QĐ-TCMT ngày 01/7/2011 của Tổng cục Môi trường)

Khoảng giá trị AQI	Chất lượng không khí	Ảnh hưởng sức khỏe	Màu
0 – 50	Tốt	Không ảnh hưởng đến sức khỏe	Xanh
51 – 100	Trung bình	Nhóm nhạy cảm nên hạn chế thời gian ở bên ngoài	Vàng
101 – 200	Kém	Nhóm nhạy cảm cần hạn chế thời gian ở bên ngoài	Da cam
201 – 300	Xấu	Nhóm nhạy cảm tránh ra ngoài. Những người khác hạn chế ở bên ngoài	Đỏ
Trên 300	Nguy hại	Mọi người nên ở trong nhà	Nâu

Ghi chú: Nhóm nhạy cảm bao gồm: trẻ em, người già và những người mắc bệnh hô hấp

1. CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ NỀN

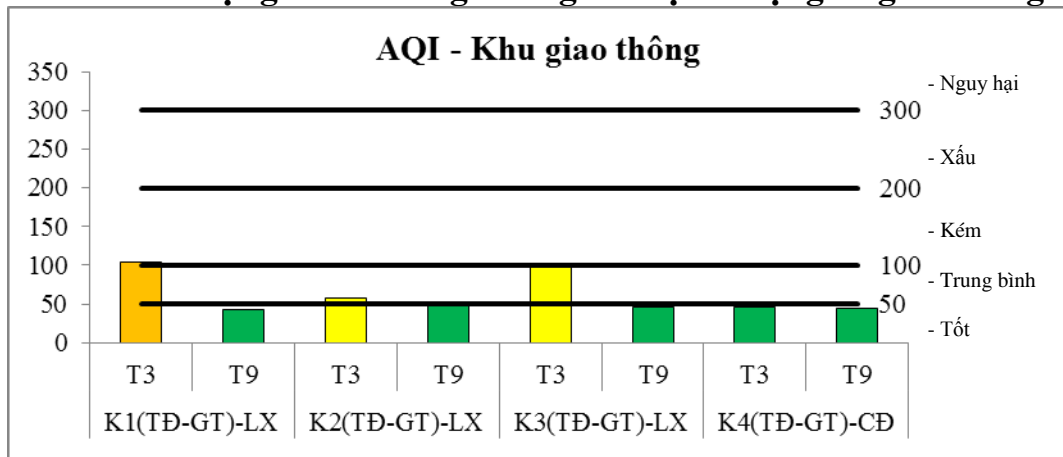


Biểu đồ 13: Diễn biến AQI không khí nền 2018

Chất lượng không khí nền theo chỉ số AQI dao động từ mức kém đến mức tốt, trong đó cải thiện từ mức kém lên mức tốt tại khu vực đô thị thành phố Long Xuyên-K1(N-ĐT)-LX; đồng mức tốt tại khu vực đô thị thành phố Châu Đốc-K2(N-ĐT)-CĐ và khu vực nông thôn huyện Châu Thành-K3(N-NT)-CT.

2. CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ BỊ TÁC ĐỘNG

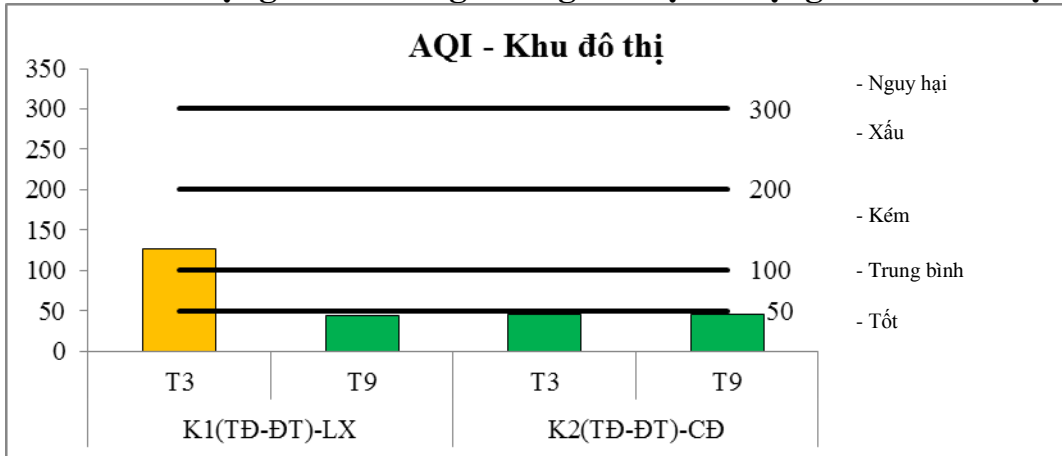
2.1. Chất lượng môi trường không khí bị tác động từ giao thông



Biểu đồ 14: Diễn biến AQI khu giao thông 2018

Chất lượng môi trường không khí tác động từ giao thông theo chỉ số AQI dao động từ mức kém đến mức tốt, tháng 9 tốt hơn tháng 3, thể hiện rõ nhất tại các vị trí: Cải thiện từ mức kém lên mức tốt tại phà An Hòa-K1(TĐ-GT)-LX; Cải thiện từ mức trung bình lên mức tốt tại phà Vàm Cống-K2(TĐ-GT)-LX và bến xe Long Xuyên-K3(TĐ-GT)-LX; Riêng bến xe Châu Đốc-K4(TĐ-GT)-CĐ đồng mức tốt trong cả 2 đợt quan trắc, đảm bảo sức khỏe cho khách du lịch cũng như người dân tại địa phương.

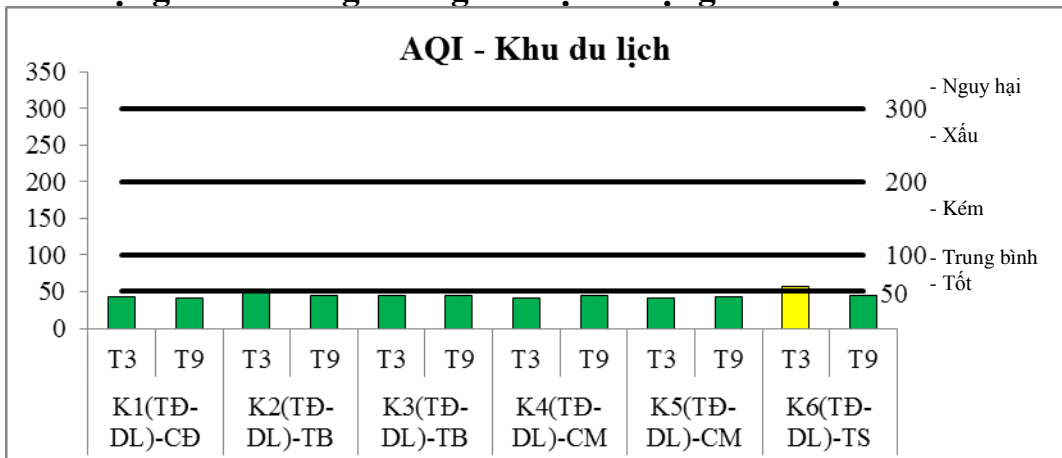
2.2. Chất lượng môi trường không khí bị tác động từ khu đô thị



Biểu đồ 15: Diễn biến AQI khu đô thị 2018

Chất lượng môi trường không khí tác động từ khu đô thị theo chỉ số AQI dao động từ mức kém đến mức tốt, trong đó cải thiện từ mức kém lên mức tốt tại khu vực vòng xoay đèn 4 ngọn, thành phố Long Xuyên-K1(TĐ-ĐT)-LX; đồng mức tốt tại khu vực chợ Châu Đốc-K2(TĐ-ĐT)-CĐ.

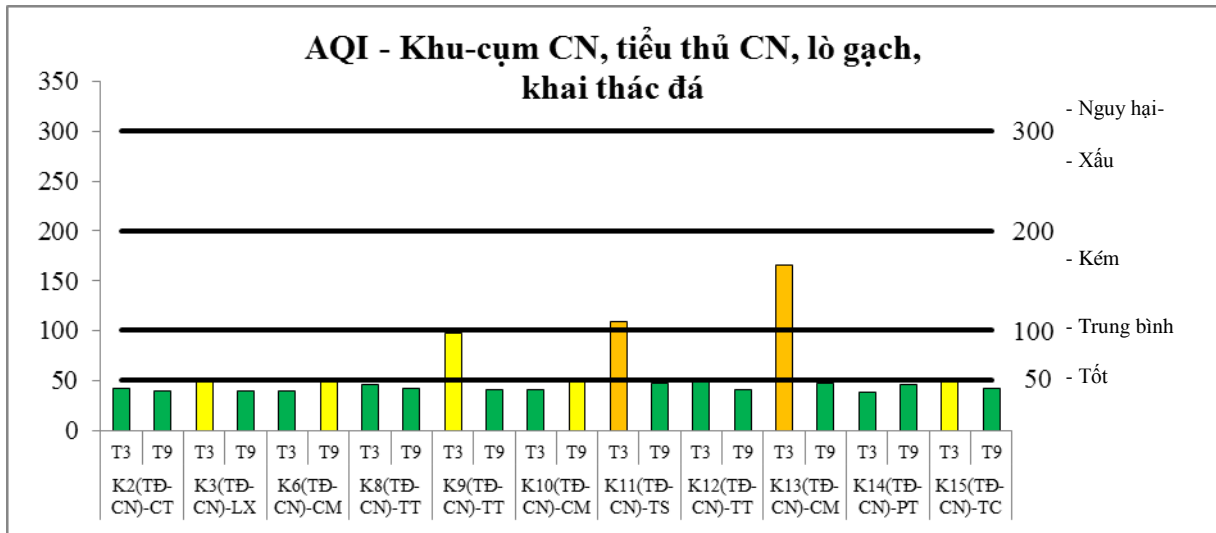
2.3. Chất lượng môi trường không khí bị tác động từ du lịch



Biểu đồ 16: Diễn biến AQI khu du lịch 2018

Chất lượng môi trường không khí tác động từ khu du lịch theo chỉ số AQI dao động từ mức trung bình đến mức tốt, ngoại trừ khu du lịch hồ Ông Thoại-K6(TĐ-DL)-TS ở mức trung bình vào tháng 3, hầu hết các vị trí quan trắc đều ở mức tốt, đảm bảo sức khỏe cho khách du lịch cũng như người dân tại địa phương.

2.4. Chất lượng môi trường không khí bị tác động từ Khu - Cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, lò gạch, khai thác đá



Biểu đồ 17: Diễn biến AQI không khí KCN, CCN, TTCN, lò gạch, khai thác đá 2018

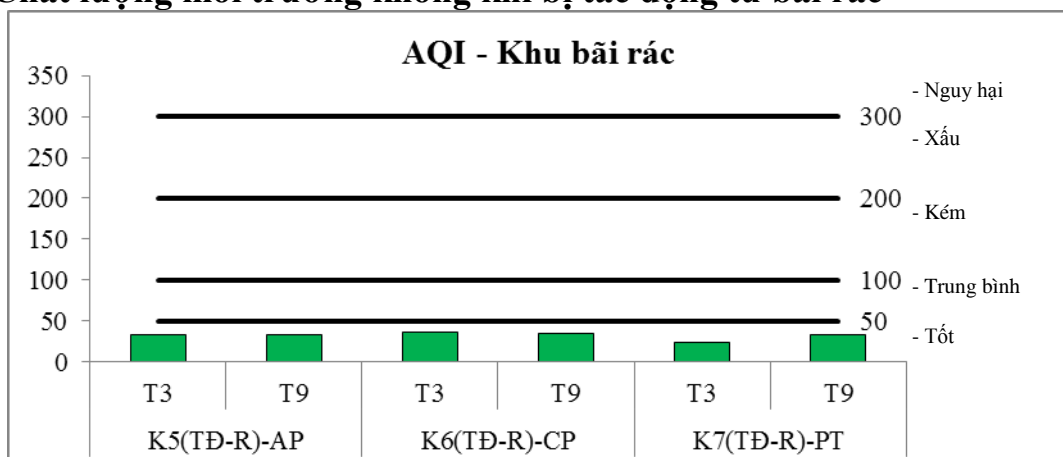
Chất lượng không khí của khu-cụm công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp, lò gạch, khai thác đá có sự khác biệt rất lớn, cụ thể:

Tại lò gạch Nhơn Mỹ-K6(TĐ-CN)-CM: Chất lượng không khí theo chỉ số AQI giảm từ mức tốt xuống mức trung bình.

Tại khu khai thác đá (K8(TĐ-CN)-TT và K9(TĐ-CN)-TT): Chất lượng không khí theo chỉ số AQI duy trì ở mức tốt tại khu khai thác đá Antraco-K8(TĐ-CN)-TT và cải thiện từ mức trung bình lên mức tốt tại khu khai thác đá Cô Tô-K9(TĐ-CN)-TT.

Tại các khu-cụm công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp: Chất lượng không khí theo chỉ số AQI dao động từ mức kém đến tốt, trong đó: Duy trì ở mức tốt tại KCN Bình Hòa-K2(TĐ-CN)-CT, CCN Lương An Trà-K12(TĐ-CN)-TT) và CCN Tân Trung-K14(TĐ-CN)-PT); Cải thiện từ mức trung bình lên mức tốt tại CCN Mỹ Quý-K3(TĐ-CN)-LX và cụm công nghiệp LongChâu-K15(TĐ-CN)-TC; Cải thiện từ mức kém lên mức tốt tại khu vực tiêu thủ công nghiệp xã Vọng Đông-K11(TĐ-CN)-TS và CCN Hòa An-K13(TĐ-CN)-CM; Giảm từ mức tốt xuống mức trung bình tại khu làng nghề sản xuất dây keo Mỹ Hội Đông-K10(TĐ-CN)-TS.

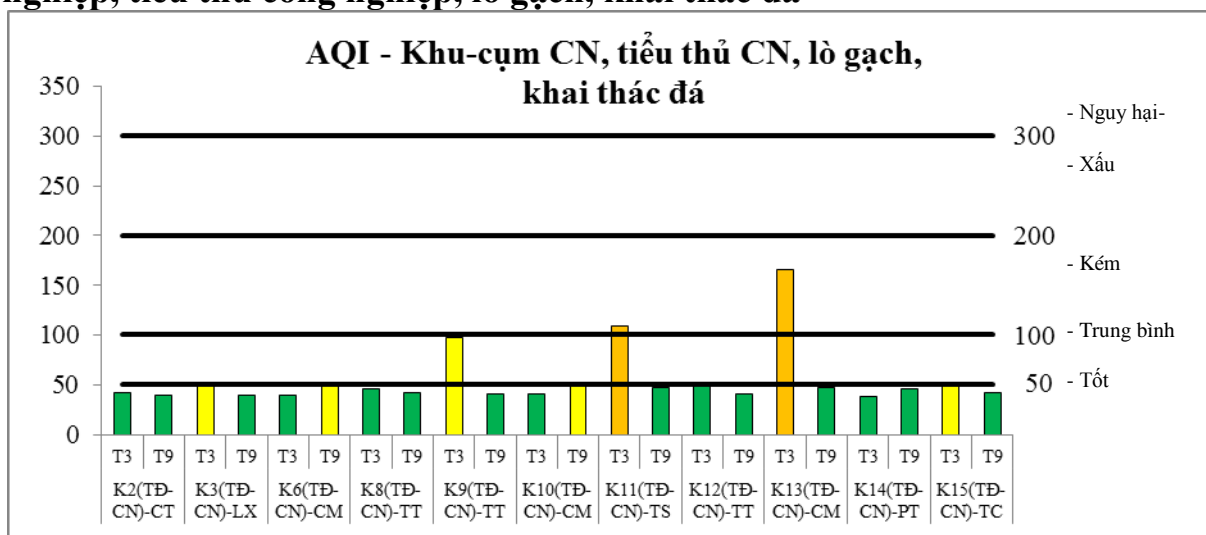
2.5. Chất lượng môi trường không khí bị tác động từ bãi rác



Biểu đồ 18: Diễn biến AQI bãi rác 2018

Chất lượng không khí tại các khu vực bãi rác theo chỉ số AQI đều duy trì ở mức tốt ở cả 2 thời điểm quan trắc trong năm 2018. Trong thời gian tới cần tiếp tục theo dõi chất lượng môi trường để kịp thời cảnh báo đến người dân.

2.6. Chất lượng môi trường không khí bị tác động từ Khu - Cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, lò gạch, khai thác đá



Biểu đồ 17: Diễn biến AQI không khí KCN, CCN, TTCN, lò gạch, khai thác đá 2018

Chất lượng không khí của khu-cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, lò gạch, khai thác đá có sự khác biệt rất lớn, cụ thể:

Tại lò gạch Nhơn Mỹ-K6(TĐ-CN)-CM: Chất lượng không khí theo chỉ số AQI giảm từ mức tốt xuống mức trung bình.

Tại khu khai thác đá (K8(TĐ-CN)-TT và K9(TĐ-CN)-TT): Chất lượng không khí theo chỉ số AQI duy trì ở mức tốt tại khu khai thác đá Antraco-K8(TĐ-CN)-TT và cải thiện từ mức trung bình lên mức tốt tại khu khai thác đá Cô Tô-K9(TĐ-CN)-TT.

Tại các khu-cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Chất lượng không khí theo chỉ số AQI dao động từ mức kém đến tốt, trong đó: Duy trì ở mức tốt tại KCN Bình Hòa-K2(TĐ-CN)-CT, CCN Lương An Trà-K12(TĐ-CN)-TT) và CCN Tân Trung-K14(TĐ-CN)-PT); Cải thiện từ mức trung bình lên mức tốt tại CCN Mỹ Quý-K3(TĐ-CN)-LX và cụm công nghiệp LongChâu-K15(TĐ-CN)-TC; Cải thiện từ mức kém lên mức tốt tại khu vực tiểu thủ công nghiệp xã Vọng Đông-K11(TĐ-CN)-TS và CCN Hòa An-K13(TĐ-CN)-CM; Giảm từ mức tốt xuống mức trung bình tại khu làng nghề sản xuất dây keo Mỹ Hội Đông-K10(TĐ-CN)-TS.

VỊ TRÍ CÁC ĐIỂM QUAN TRẮC NĂM 2018

A-MẠNG LƯỚI ĐIỂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NỀN NƯỚC MẶT

TT	Kí hiệu	Địa danh	Đặc điểm
I	Sông Tiền		
1	MT1(N)-TC	Xã Vĩnh Xương, TX. Tân Châu	Đầu sông Tiền
2	MT2(N)-TC	Phường Long Châu, TX. Tân Châu	Đầu sông Cái Vừng và sông Tiền
3	MT3(N)-PT	TT. Chợ Vàm, huyện Phú Tân.	Cuối sông Cái Vừng và sông Tiền
4	MT4(N)-PT	Xã Tân Trung, huyện Phú Tân	Ngã ba sông Vàm Nao và sông Tiền
5	MT5(N)-CM	Xã Long Điền A, huyện Chợ Mới	Ngã ba sông Tiền
6	MT6(N)-CM	Xã Bình Phước Xuân, huyện Chợ Mới	Cuối cù lao Giêng
II	Sông Hậu, sông Phú Hội, sông Châu Đốc		
1	MH1(N)-AP	Ấp Tân Thạnh, TT. Long Bình, huyện An Phú	Thượng nguồn sông Hậu
2	MH2(N)-AP	Xã Nhơn Hội, huyện An Phú	Thượng nguồn sông Phú Hội
3	MH3(N)-AP	Xã Vĩnh Hội Đông, huyện An Phú	Nơi tiếp giáp sông Châu Đốc với nhánh sông từ Campuchia
4	MH4(N)-CĐ	Phường Châu Phú B, TP. Châu Đốc	Ngã ba sông Châu Đốc
5	MH5(N)-CP	Xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú	Đoạn giữa từ ngã sông Châu Đốc với ngã ba Vàm Nao
6	MH6(N)-CP	Xã Bình Thủy, huyện Châu Phú	Ngã ba sông Vàm Nao
7	MH8(N)-LX	Phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên	Cuối sông Hậu giáp với Cần Thơ
III	Kênh, rạch nội đồng		
1	NĐ1(N)-CĐ	Phường Châu Phú A, TP. Châu Đốc	Đầu kênh Vĩnh Tế tiếp giáp với kênh Châu Đốc
2	NĐ2(N)-TB	Xã Nhơn Hưng, huyện Tịnh Biên	Đập Trà Sư tiếp giáp kênh Vĩnh Tế
3	NĐ3(N)-TB	TT. Tịnh Biên, huyện Tịnh Biên	Cầu sắt Hữu Nghị
4	NĐ4(N)-TT	Xã Vĩnh Gia, huyện Tri Tôn	Cuối kênh Vĩnh Tế tiếp giáp Kiên Giang

5	NĐ5(N)-CP	Xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú	Đầu kênh Xáng Vĩnh Tre tiếp giáp với sông Hậu
6	NĐ6(N)-TB	Xã Tân Lợi, huyện Tịnh Biên	Nơi tiếp giáp giữa kênh Tha La với kênh Xáng Vĩnh Tre
7	NĐ7(N)-TT	Xã Cô Tô, huyện Tri Tôn	Cuối kênh Xáng Vĩnh Tre tiếp giáp kênh Huệ Đức
8	NĐ8(N)-CT	Xã Cần Đăng, huyện Châu Thành	Đầu kênh Mác Cần Dung tiếp giáp kênh Bốn Tổng
9	NĐ9(N)-CT	Xã Vĩnh Bình, huyện Châu Thành	Điểm giữa kênh Mác Cần Dung tiếp giáp kênh Xáng Cây Dương
10	NĐ10(N)-TT	TT. Tri Tôn, huyện Tri Tôn	Cầu Cây Me, đầu kênh Tám Ngàn
11	NĐ11(N)-TT	Xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn	Điểm giữa kênh Tám Ngàn, tiếp giáp với kênh Mới (T5)
12	NĐ12(N)-TT	Xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn	Điểm cuối kênh Tám Ngàn, tiếp giáp với Kiên Giang
13	NĐ13(N)-LX	Phường Mỹ Bình, TP. Long Xuyên	Điểm đầu kênh Rạch Giá – Long Xuyên, tiếp giáp với rạch Long Xuyên.
14	NĐ14(N)-CT	Xã Vĩnh Thành, huyện Châu Thành	Điểm giữa kênh Rạch Giá – Long Xuyên, tiếp giáp kênh Bốn Tổng, kênh Chắc Cà Dao, kênh Ông Cò
15	NĐ15(N)-TS	Xã Bình Thành, huyện Thoại Sơn	Cuối kênh Rạch Giá – Long Xuyên, tiếp giáp với Kiên Giang
16	NĐ18(N)-CM	Xã Kiến An, huyện Chợ Mới	Đầu rạch Ông Chương
17	NĐ19(N)-CM	Xã Long Kiến, huyện Chợ Mới	Giữa rạch Ông Chương, tiếp giáp với kênh Chà Và
18	NĐ20(N)-CM	Xã Long Kiến, huyện Chợ Mới	Cuối rạch Ông Chương, tiếp giáp với sông Hậu
19	NĐ21(N)-TC	Thị xã Tân Châu	Kênh Bảy Xã
20	NĐ22(N)-TC	Thị xã Tân Châu	Kênh Xáng
21	NĐ23(N)-PT	Xã Hiệp Xương, huyện Phú Tân	Rạch Mương Khai
22	NĐ24(N)-CM	Xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới	Kênh Xáng Cà Màu giáp kênh Đồng Xút
23	NĐ25(N)-CM	Huyện Chợ Mới	Kênh Xáng A-B
IV	Nước Hồ, Búng		
1	H1(N)-AP	Xã Khánh Bình, huyện An Phú	Đầu Búng Bình Thiên
2	H2(N)-AP	Xã Quốc Thái,	Giữa Búng Bình Thiên

		huyện An Phú	
3	H3(N)-AP	Xã Quốc Thái, huyện An Phú	Cuối Búng Bình Thiên
4	H4(N)-TB	Xã An Cư, huyện Tịnh Biên	Gần bờ hồ Ô Tuk Sa
5	H7(N)-TB	Xã An Hảo, huyện Tịnh Biên	Hồ Thủy Liêm
6	H8(N)-TT	Xã Núi Tô, huyện Tri Tôn	Hồ Soài So
7	H9(N)-TT	Xã Lê Trì, huyện Tri Tôn	Hồ Soài Chêk
8	H10(N)-TT	Xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn	Hồ Ô Thum
9	H11(N)-TT	Xã Lương Phi, huyện Tri Tôn	Hồ Ô Tà Sóc

B-MẠNG LƯỚI ĐIỂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NỀN NƯỚC GIẾNG

TT	Kí hiệu	Địa danh	Đặc điểm
1	NG1(N)-AP	Xã Lương Phi, huyện Tri Tôn	Giếng kín (bơm motor), tầng nông (khoảng 50m), thuộc huyện Cù Lao, khu vực bị nhiễm Asen, được sử dụng thường xuyên.
2	NG2(N)-TC	Xã Tân An, TX. Tân Châu	Giếng kín (bơm motor), tầng nông (khoảng 50 đến 60m), thuộc huyện Cù Lao, khu vực bị nhiễm Asen, được sử dụng thường xuyên
3	NG4(N)-CM	TT. Chợ Mới, huyện Chợ Mới	Giếng kín (bơm motor/bơm tay), tầng nông (khoảng 30m), thuộc huyện Cù Lao, khu vực bị nhiễm Asen, được sử dụng thường xuyên.
4	NG5(N)-LX	Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên	Giếng kín (bơm motor), tầng nông (khoảng 25m), khu vực công nghiệp Mỹ Quý, được sử dụng thường xuyên.
5	NG6(N)-TS	TT. Phú Hòa, huyện Thoại Sơn	Giếng kín (bơm motor), tầng sâu (khoảng trên 250m), khu vực cụm công nghiệp Phú Hòa.
6	NG7(N)-TB	Xã An Hảo, huyện Tịnh Biên	Giếng khơi, không có nắp đậy kín, tầng nông (khoảng 20m), khu vực ven núi, phục vụ tưới cây, giặt giũ, không dùng cho ăn uống.
7	NG9(N)-CM	Xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới	Giếng xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới.
8	NG10(N)-CM	Xã Bình Phước Xuân, huyện Chợ Mới	Giếng xã Bình Phước Xuân, huyện Chợ Mới.

9	NG11(N)-PT	Xã Hoà Lạc, huyện Phú Tân	Giếng xã Hoà Lạc, huyện Phú Tân.
10	NG12(N)-PT	Xã Tân Trung, huyện Phú Tân	Giếng xã Tân Trung, huyện Phú Tân.
11	NG13(N)-AP	Xã Phước Hưng, huyện An Phú	Giếng xã Phước Hưng, huyện An Phú.
12	NG14(N)-TT	Xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn	Giếng xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn.
13	NG15(N)-TT	Xã Lê Trì, huyện Tri Tôn	Giếng xã Lê Trì, huyện Tri Tôn.

C-MẠNG LƯỚI ĐIỂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NỀN KHÔNG KHÍ

TT	Kí hiệu	Địa danh	Đặc điểm
I	Khu vực đô thị		
1	K1(N-ĐT)-LX	Phường Mỹ Hòa, TP. Long Xuyên	Khu vực đô thị ít bị tác động bởi các hoạt động giao thông, cụm công nghiệp
2	K2(N-ĐT)-CĐ	Phường Vĩnh Mỹ, TP. Châu Đốc	Khu vực đô thị ít bị tác động bởi các hoạt động giao thông, cụm công nghiệp
II	Khu vực nông thôn		
1	K3(N-NT)-CT	Xã Vĩnh Bình, huyện Châu Thành	Khu vực nông thôn ít bị tác động bởi các hoạt động giao thông và các hoạt động sản xuất kinh doanh

D-MẠNG LƯỚI ĐIỂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG TÁC ĐỘNG NƯỚC MẶT

TT	Kí hiệu	Địa danh	Đặc điểm
I	Tác động từ khu đô thị		
1	MT1(TĐ-ĐT)-TC	Phường Long Thạnh, TX. Tân Châu	Nơi bị ảnh hưởng bởi nước thải của nhiều hoạt động SXKD, dân cư...
2	MT2(TĐ-ĐT)-CM	TT. Chợ Mới, huyện Chợ Mới	Nơi bị ảnh hưởng bởi nước thải của nhiều hoạt động SXKD, dân cư...
3	MT3(TĐ-ĐT)-CM	TT. Mỹ Luông, huyện Chợ Mới	Nơi bị ảnh hưởng bởi nước thải của nhiều hoạt động SXKD, dân cư...
4	MH3(TĐ-ĐT)-LX	Phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên	Nơi bị ảnh hưởng bởi nước thải của nhiều hoạt động SXKD, dân cư...
5	MH2(TĐ-ĐT)-CP	TT. Cái Dầu, huyện Châu Phú	Nơi bị ảnh hưởng bởi nước thải của nhiều hoạt động SXKD, dân cư...
6	NT5(TĐ-ĐT)-TS	TT. Núi Sập, huyện Thoại Sơn	Nước thải khu đô thị Núi Sập tác động lên kênh Cống Dong

7	NT6(TĐ-ĐT)-TT	TT. Tri Tôn, huyện Tri Tôn	Nước thải khu đô thị Tri Tôn tác động lên kênh Tri Tôn
8	NT7(TĐ-ĐT)-AP	Thị trấn An Phú, huyện An Phú	Nước thải khu đô thị An Phú tác động lên kênh Kênh Thầy Ban, ảnh hưởng trực tiếp lên sông Hậu
9	NT8(TĐ-ĐT)-CĐ	Thành phố Châu Đốc	Nơi bị tác động bởi nước thải từ trạm xử lý nước thải thành phố Châu Đốc
II Tác động từ cụm công nghiệp			
1	MH2(TĐ-CN)-LX	Cụm công nghiệp Mỹ Quý, TP. Long Xuyên.	Nơi bị ảnh hưởng nhiều bởi nước thải cụm công nghiệp
III Tác động từ vùng kiểm soát lũ Bắc Vàm Nao			
1	NĐ1(TĐ-VN)-TC	Xã Phú Vĩnh, TX. Tân Châu	Cổng kiểm soát lũ đầu kênh Thần Nông tiếp giáp kênh Vĩnh An
2	NĐ2(TĐ-VN)-PT	Xã Phú Bình, huyện Phú Tân	Cổng kiểm soát lũ đầu kênh Phú Bình – Hiệp Xương tiếp giáp với sông Hậu
3	NĐ3(TĐ-VN)-PT	Xã Phú Xuân, huyện Phú Tân	Điểm giữa kênh Thần nông, tiếp giáp với K26
4	NĐ4(TĐ-VN)-PT	Xã Phú An, huyện Phú Tân	Cổng kiểm soát lũ đầu kênh 26, tiếp giáp với sông Tiền
5	NĐ5(TĐ-VN)-PT	Xã Phú Hưng, huyện Phú Tân	Cổng kiểm soát lũ cuối kênh Thần Nông tiếp giáp rạch Cái Tắc
6	NĐ6(TĐ-VN)-PT	Xã Phú Thành, huyện Phú Tân	Điểm giữa kênh Thần nông, tiếp giáp với K16
7	NĐ7(TĐ-VN)-PT	Xã Phú Hưng, huyện Phú Tân	Rạch Cái Tắc, gần UBND xã Phú Hưng
IV Tác động từ khu nuôi thủy sản			
1	TS1(TĐ)-PT	Xã Long Hòa, huyện Phú Tân	Cuối nguồn xả thải của làng bè Long Hòa
2	TS2(TĐ)-CM	Xã Kiến An, huyện Chợ Mới	Cuối xả thải của khu vực đặng quặng và ao Kiến An
3	TS3(TĐ)-CĐ	Phường Châu Phú A, TP. Châu Đốc	Cuối nguồn xả thải của làng bè Vĩnh Ngon
4	TS4(TĐ)-AP	Xã Đa Phước, huyện An Phú	Cuối nguồn xả thải của làng bè Đa Phước
5	TS5(TĐ)-CP	Xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú	Tác động của nước thải từ nuôi các ao, hầm lên kênh Xáng Vĩnh Tre
6	TS6(TĐ)-CT	Xã Bình Thạnh, huyện Châu Thành	Cuối nguồn xả thải của khu vực nuôi cá ao, hầm Bình Thạnh
7	TS7(TĐ)-LX	Xã Mỹ Hòa Hưng, TP. Long Xuyên	Cuối nguồn xả thải của khu vực nuôi cá ao, hầm và đặng quặng Mỹ Hòa Hưng

8	TS8(TĐ)-LX	Xã Mỹ Hòa Hưng, TP. Long Xuyên	Cuối nguồn xả thải của khu vực nuôi cá ao, hầm và đặng quầng Mỹ Hòa Hưng
9	TS10(TĐ)-TS	Xã Vĩnh Chánh, huyện Thoại Sơn	Tác động từ nguồn xả thải khu vực nuôi tôm chân ruộng và cá ao, hầm
10	TS11(TĐ)-LX	Phường Mỹ Thới, TP. Long Xuyên	Tác động từ nguồn xả thải khu vực cá ao, hầm
11	TS12(TĐ)-TS	Xã Phú Thuận, huyện Thoại Sơn	Tác động từ nguồn xả thải khu vực nuôi tôm chân ruộng và cá ao, hầm
12	TS13(TĐ)-CT	Xã Vĩnh Hanh, huyện Châu Thành	Tác động từ nguồn xả thải khu vực nuôi tôm chân ruộng
13	TS14(TĐ)-TS	Xã Phú Thuận, huyện Thoại Sơn	Đầu kênh Đòn Dong, tiếp giáp với kênh Mới
14	TS15(TĐ)-TS	Xã Vĩnh Khánh, huyện Thoại Sơn	Cuối kênh Đòn Dong, tiếp giáp với kênh Ông Cò
15	TS19(TĐ)-CM	Xã Mỹ An, huyện Chợ Mới	Tác động từ nguồn xả thải khu vực nuôi bè
16	TS20(TĐ)-TC	Xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu	Tác động từ nguồn xả thải khu vực nuôi ao, hầm
V	Tác động từ khu du lịch		
1	NT2(TĐ-DL)-TB	Khu du lịch Lâm viên núi Cấm, xã An Hảo, huyện Tịnh Biên	Nước thải khu du lịch Lâm viên núi Cấm, tác động
2	NT3b(TĐ-DL)-TB	Du lịch sinh thái rừng tràm Trà Sư, xã Văn Giáo, huyện Tịnh Biên	Ngay cống cấp nước vào khu rừng Tràm

E-MẠNG LƯỚI ĐIỂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG TÁC ĐỘNG KHÔNG KHÍ

TT	Kí hiệu	Địa danh	Đặc điểm
I	Tác động từ khu đô thị		
1	K1(TĐ-ĐT)-LX	Vòng Xoay đèn bốn ngọn, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên	Tập trung nhiều hoạt động kinh doanh, giao thông, mật độ dân cư cao
2	K2(TĐ-ĐT)-CĐ	Khu vực chợ Châu Đốc, phường Châu Phú A, TP. Châu Đốc	Tập trung nhiều hoạt động kinh doanh buôn bán, giao thông, mật độ dân cư cao
II	Tác động từ cụm công nghiệp, lò gạch, khai thác đá		
1	K3(TĐ-CN)-LX	Cụm công nghiệp Mỹ Quý, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên	Tập trung nhiều nhà máy chế biến thủy sản
2	K2(TĐ-CN)-CT	Khu công nghiệp Bình Hòa huyện Châu Thành	Tập trung nhiều nhà máy xay xát lương thực
3	K6(TĐ-CN)-CM	Lò gạch, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới	Tập trung nhiều lò gạch thủ công

4	K8(TĐ-CN)-TT	Khai thác đá Antraco, xã Lương phi, huyện Tri Tôn	Ảnh hưởng đến tiếng ồn, bụi
5	K9(TĐ-CN)-TT	Khai thác đá Cô Tô, xã Cô Tô, huyện Tri Tôn	Ảnh hưởng đến tiếng ồn, bụi
6	K10(TĐ-CN)-CM	Khu làng nghề sản xuất dây keo Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới	Ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh
7	K11(TĐ-CN)-TS	Khu vực tiểu thủ công nghiệp xã Vọng Đông, huyện Thoại Sơn	Ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh
8	K12(TĐ-CN)-TT	Cụm công nghiệp Lương An Trà, huyện Tri Tôn	Ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh
9	K13(TĐ-CN)-CM	Cụm công nghiệp Hoà An, huyện Chợ Mới	Tập trung nhiều nhà máy xay xát lương thực
10	K14(TĐ-CN)-PT	Cụm công nghiệp Tân Trung, huyện Phú Tân	Ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh
11	K15(TĐ-CN)-TC	Cụm công nghiệp Tân Châu, phường Long Châu, thị xã Tân Châu	Ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh
III Tác động từ giao thông			
1	K1(TĐ-GT)-LX	Phà An Hòa, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên	Tác động không khí tại phà An Hòa
2	K2(TĐ-GT)-LX	Phà Vàm Cống, phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên	Tác động không khí tại phà Vàm Cống
3	K3(TĐ-GT)-LX	Bến xe Phạm Cự Lượng, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên	Tác động không khí tại bến xe Phạm Cự Lượng
4	K4(TĐ-GT)-CĐ	Bến xe Châu Đốc, Phường Châu Phú B, TP. Châu Đốc	Tác động không khí tại bến xe Châu Đốc
IV Tác động của khu du lịch			
1	K1(TĐ-DL)-CĐ	Du lịch núi Sam, phường núi Sam, TP. Châu Đốc	Tác động không khí tại khu du lịch núi Sam, ảnh hưởng tiếng ồn, bụi, khói
2	K2(TĐ-DL)-TB	Du lịch Lâm viên núi Cấm, xã An Hảo, huyện Tịnh Biên	Tác động không khí tại khu du lịch Lâm viên núi Cấm, ảnh hưởng tiếng ồn, bụi, khói
3	K3(TĐ-DL)-TB	Du lịch sinh thái rừng tràm Trà Sư, xã Văn Giáo, huyện Tịnh Biên	Tác động không khí tại khu Rừng Tràm Trà Sư, ảnh hưởng tiếng ồn, bụi, khói
4	K4(TĐ-DL)-CM	Tác động từ khu du lịch tại khu vực Bình Phước Xuân, huyện Chợ Mới.	Tác động không khí du lịch tại khu vực Bình Phước Xuân, ảnh hưởng tiếng ồn, bụi, khói.

5	K5(TĐ-DL)-CM	Tác động từ khu du lịch tại khu vực Tân Mỹ, huyện Chợ Mới.	Tác động không khí du lịch tại khu vực Tân Mỹ, ảnh hưởng tiếng ồn, bụi, khói.
6	K6(TĐ-DL)-TS	Tác động từ khu du lịch Hồ Ông Thoại, Thoại Sơn	Tác động không khí du lịch tại thị trấn Núi Sập, Thoại Sơn
V	Tác động của khu bãi rác		
1	K5(TĐ-R)-AP	Bãi rác An Phú, thị trấn An Phú, huyện An Phú	Tác động của không khí tại bãi rác An Phú, ảnh hưởng mùi
2	K6(TĐ-R)-CP	Bãi rác Cái Dầu, thị trấn Cái Dầu, huyện Châu Phú	Tác động của không khí tại bãi rác Cái Dầu, ảnh hưởng mùi
3	K7(TĐ-R)-PT	Bãi rác Phú Tân, thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân	Tác động của không khí tại bãi rác Phú Tân, ảnh hưởng mùi